

Tập 43

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diển Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi ba:

(Sớ) Lương diêu thế xuất thế gian, vô nhất pháp xuất u tâm ngoại. Tịnh Độ sở hữu y báo, chánh báo, nhất nhất giai thị Bốn Giác diệu minh. Thí chi bình, hoàn, thoa, xuyên, khí khí duy kim. Khê, giản, giang, hà, lưu lưu nhập hải, vô bất tùng thử pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thử pháp giới dã.

(疏)良繇世出世間，無一法出於心外，淨土所有依報正報，一一皆是本覺妙明。譬之瓶環釵釧，器器唯金。溪澗江河，流流入海。無不從此法界流，無不還歸此法界也。

(Sớ: Ấy là vì trong thế gian lẫn xuất thế gian, không một pháp nào ra ngoài tâm. Tất cả y báo và chánh báo của Tịnh Độ, mỗi thứ đều là Bốn Giác diệu minh. Ví như bình, vòng, thoa, xuyên, món nào cũng chỉ là vàng. Khe, suối, sông, rạch, dòng nào cũng đều đổ vào biển, không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không gì chẳng trở về pháp giới này).

Bắt đầu xem từ đoạn này, đại ý của đoạn này đã nói trong lần trước, nhưng vì thời gian hạn chế nên tôi không thể giảng cặn kẽ được. Lần này, các vị đồng tu muốn tôi nói cặn kẽ hơn một chút. Do vậy, chúng ta lại bắt đầu xem từ chỗ này. Chỉ thú của đoạn này chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm. Hôm nay, các đồng tu nghe giảng phần mở đầu kinh Hoa Nghiêm, nghe giảng hai đoạn đầu trong phần Năm Tầng Huyền Nghĩa (Ngũ Trùng Huyền Nghĩa), ngày mai mới có thể thảo luận các phần Hiện Thể, Minh Tông, và Luận Dụng, nhưng đã có thể thấy được ý nghĩa rồi! Những điều này toàn là cảnh giới đích thân chứng nhập của Phật và đại Bồ Tát nơi quả địa. Đây mới gọi là pháp giới chân thật. Thường là đối với những cảnh giới giống như thế này, khi chúng ta mới tiếp xúc, ắt cảm thấy nghi hoặc vì chúng hoàn toàn khác với kiến thức và sự thấy nghe thông thường của chúng ta. Chúng ta đã quen với cảnh giới hư vọng, từ nhiều kiếp lâu xa đến nay đã dưỡng thành thói quen, nay đức Phật giảng lẽ chân thật, đâm ra chúng ta rất khó tiếp nhận! Hy vọng các đồng tu học Phật huân tập lâu ngày sẽ có thể dần dần khế nhập, nhưng

điều quan trọng nhất là quý vị đích thân chứng đắc cảnh giới này thì mới là thụ dụng chân thật.

Trước hết, chúng ta phải tin tưởng. Do vậy, các bộ kinh lớn thường nói: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Lòng tin là nguồn đạo, là mẹ của các công đức). Trước hết phải tin tưởng, đức Phật quyết định chẳng dối gạt chúng ta. Đức Phật chế định căn bản đại giới là “bất vọng ngữ” thì làm sao đức Phật có thể dối gạt chúng ta được? Cũng có người nói: “Cũng có khi vì thiện ý đức Phật mà nói dối, mong chúng ta cảm thấy được an ủi!” Nếu quý vị nghĩ là thiện ý thì cách nghĩ ấy cũng sai bét rồi! Dẫu vì thiện ý, đức Phật cũng chẳng dùng đến vọng ngữ. Vì trong Phật pháp, nếu chúng ta phát hiện đức Phật đã từng nói dối một lần, tín tâm của chúng ta đối với đức Phật sẽ bị giảm bớt. Vì sao? Đức Phật đã từng nói dối một lần, đại khái là lần này chúng ta cũng khó thể tin cậy được! Tình hình này giống như trong thế gian, người Trung Quốc thường nói: “*Quân tử còn chẳng chịu làm, huống hồ Phật, Bồ Tát?*” Vì thế, kiến lập tín tâm hết sức trọng yếu. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, nói pháp môn nào, chắc chắn đức Phật chẳng nói dối một chữ, đúng như trong kinh Kim Cang, Ngài đã nói: “*Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất dị ngữ giả, bất cuống ngữ giả*” (Như Lai là bậc nói lời thật, nói đúng như thật, chẳng nói sai khác, chẳng nói dối). Điều này khiến cho chúng ta có tín tâm to lớn không gì bằng. Vì thế, đầu tiên là phải tin tưởng.

Lòng tin trong Phật pháp không phải là mê tín. Tin rồi, nhất định phải cầu giải (thấu hiểu). Nói cách khác, chúng ta tin tưởng chuyện này, về mặt Sự thì hợp lý, có căn cứ lý luận. Sau khi đã hiểu rõ Lý, vẫn chưa phải là hết, còn phải chứng thực. Nếu chẳng đích thân chứng đắc, lòng tin ấy chẳng phải là lòng tin chân chánh. Phật pháp khác biệt các tôn giáo khác ở chỗ này. Phật pháp là phải cầu chứng, phải nhất định đích thân chứng thực những gì đã tin. Thật sự có thể giới Tây Phương, nơi ấy cũng thật sự có, mà cũng thật sự có thể chứng đắc được. Trong quá khứ, không phải ở Ấn Độ, mà ở Trung Quốc, quý vị đọc những điều được ghi chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, quả thật có người lúc vãng sanh bèn chứng đắc [cõi Cực Lạc].

Người thứ nhất nói rõ cho chúng ta biết là Huệ Viễn đại sư thời Đông Tấn. Ngài sống cùng thời đại với những danh nhân trong lịch sử Trung Quốc như Đào Uyên Minh, Tạ Linh Vận... Trong thời ấy, Cưu Ma La Thập đại sư cũng đến Trung Quốc vào lúc đó. Các vị này đều là những người rất nổi tiếng. Ngài Huệ Viễn lập Liên Xã tại Lô Sơn cùng

với các đồng tu chí đồng đạo hợp niệm Phật. Do vậy, Tịnh Độ Tông do lão nhân gia kiến lập đầu tiên, liên xã của Ngài là liên xã đầu tiên của Trung Quốc, Ngài là tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông. Khi Ngài vãng sanh đã nói rõ cùng đại chúng đồng tu: Khi Ngài niệm Phật (Ngài suốt đời niệm Phật), từng ba lượt thấy thế giới Tây Phương hiện ra trước mặt. Ngài không nằm mộng, mà là đang trong lúc chỉ tịnh khi niệm Phật.

Điều này cũng chẳng giống như Thiên Tông tham Thiền, chẳng phải vậy, mà là khi niệm Phật đạt đến tâm thanh tịnh, Tây Phương Cực Lạc thế giới hiện tiền, trong một đời Ngài đã thấy ba lần. Ngài thấy cảnh giới ấy hoàn toàn giống như trong kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh đã nói. Lúc Ngài tịch, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí và các vị thượng thiện nhân đến đón tiếp Ngài. Trong số ấy còn có những người Ngài quen biết, tức là những người cộng tu trong Liên Xã nhưng đã vãng sanh trước, đều cùng theo A Di Đà Phật đến đón tiếp Ngài. Cảnh giới ấy rõ ràng, rành mạch, chúng ta thường là do mắt thịt nên không thể thấy, nhưng Ngài có thể thấy, đó là thật, chẳng phải giả!

Vậy thì người không niệm Phật, thừa quý vị, khi họ lâm chung cũng có cảnh giới hiện tiền, nhưng chúng ta không thấy. Nếu quý vị muốn cầu chúng, có thể đến bệnh viện Vinh Dân, hoặc bệnh viện Tam Quân, quý vị hãy đến đó cầu chứng, các bác sĩ và y tá nơi đó đều biết. Trước khi bệnh nhân sắp mất một hai ngày, sẽ lại thấy người này, người nọ, thấy cả đồng người, nói với mọi người: “Người này đứng trước mặt tôi, người nọ đứng ở chỗ nào đó”. Chúng ta không thấy, nhưng những điều người ấy thấy hoàn toàn là chân thật, chẳng giả chút nào. Do vậy, quá nửa là họ thấy tướng ác, tướng hung ác.

Chúng tôi cũng có một vị đồng tu, khi cha ông ta bệnh nặng, cũng thấy có người rất hung ác. Họ đưa ông cụ ra ngoài phòng bệnh, đỡ cụ lên xe lăn để đưa cụ đi dạo trên hành lang. Khi trở về phòng, cụ chẳng dám vào, nói: “Trong đó có rất nhiều người, thái độ và diện mạo hết sức đáng sợ”, sợ đến nỗi cụ không dám bước vào. Người khác vào phòng xem chẳng thấy gì cả mà cụ vẫn chẳng dám vào. Ngày hôm ấy không có cách nào khác, chỉ đành đưa cụ về nhà. Đây là cảnh giới ác hiện tiền! Khéo sao trong nhà cụ con ruột, con dâu đều niệm Phật, nghe cụ kể cảnh giới ấy, tuyệt đối chẳng phải là giả; do vậy, họ khuyên cụ niệm Phật.

Niệm Phật mấy hôm, cụ bảo người nhà: “Cảnh giới ấy không còn nữa, chẳng thấy nữa!” Lại niệm mấy hôm, cụ thấy A Di Đà Phật. Chẳng những cụ trông thấy, mà con cái cụ cũng trông thấy, nhưng hai người trông thấy khác nhau. Con của cụ thấy một tượng A Di Đà Phật đứng

(sắc vàng), tượng Phật ấy tựa hồ ở trên cửa sổ. Cửa sổ được lắp kiếng trong suốt, thấy tượng Phật ấy dường như ở trên cửa sổ. Thấy rất lâu, gần như cả mười phút, tượng chẳng biến mất mà luôn ở đó. Đến cuối cùng càng nhìn thấy tượng càng nhỏ, nhỏ dần rồi biến mất. Do vậy, đây là cảnh giới chân thật, trọn chẳng phải là hoa mắt. Vì thế, cảnh giới ấy thật sự có, cảnh giới đều là duy tâm sở hiện; bởi vậy, nói “*chẳng ngoài nhất tâm, chẳng ở ngoài tâm*”. Chúng ta hãy đọc lời chú giải trong sách Diễn Nghĩa.

(Diễn) Thế xuất thế gian, bất xuất tâm ngoại giả.

(演) 世出世間，不出心外者。

(Diễn: “Thế gian và xuất thế gian chẳng ra ngoài tâm” là...)

Chúng ta xem đoạn này.

(Diễn) Thế gian nhiễm pháp.

(演) 世間染法。

(Diễn: Thế gian là nhiễm pháp).

Trước tiên, chúng tôi giải thích “*pháp*” là gì. Trong nhà Phật, chữ này được dùng rộng rãi nhất. Do vậy gọi là Phật pháp, Phật pháp vô biên! Trong Phật môn, chữ “*pháp*” được giải thích là một đại danh từ chung, bao gồm hết thảy lý luận, hết thảy hiện tượng, hết thảy sự vật trong vũ trụ, có thể nói là quá nhiều, không thể kể xiết. Lớn như hư không, thế giới, nhỏ như một ngọn cỏ, một cái cây, một hạt vi trần, đều có thể nói quá phức tạp, quá u là nhiều. Nếu chúng ta nói từng chuyện, sẽ chẳng thể nói cùng tận. Vì vậy, Phật pháp dùng một chữ để làm đại danh từ chung, chữ ấy chính là “*pháp*”. Do đó, “*pháp*” là đại danh từ chung cho hết thảy vạn sự vạn vật thuộc vũ trụ và nhân sinh.

Pháp chẳng có nhiễm hay tịnh, làm sao pháp có thể nhiễm hay tịnh cho được? Không thể nói nhiễm, mà cũng chẳng thể nói tịnh. Nhiễm hay tịnh là do tâm, nhiễm hay tịnh là do cái tâm của chính mình. Nếu đối với pháp này, tâm chúng ta chấp tướng, chấp trước nó, khởi lên ý niệm thì nó bèn nhiễm, bị ô nhiễm rồi! Nói thật ra là “*chẳng nhiễm mà nhiễm, nhiễm mà chẳng nhiễm*”. Nếu tâm thanh tịnh thật sự bị ô nhiễm, há còn có thể trừ khử ô nhiễm được sao? Chẳng thể trừ được! Vì sao nói chẳng nhiễm mà nhiễm? Ví như hai ngày nay trời u ám, chúng ta thấy trời kéo

rất nhiều mây, mây che khuất ánh sáng mặt trời, mặt trời bị mây ô nhiễm rồi! Mây có thể ngăn che mặt trời hay chẳng? Chẳng thể nào! Một áng mây quá nhỏ. Các nhà khoa học hiện thời đã biết: Thái dương lớn hơn địa cầu một trăm ba mươi vạn lần, bỏ địa cầu vào trong mặt trời, bé tí, chẳng bị cháy tiêu hay sao? Mây làm sao có thể ngăn che mặt trời? Tình hình này chính là “chẳng nhiễm mà nhiễm”, [tức là] giống như bị nhiễm, chứ thật ra chẳng nhiễm. Do vậy, tâm thanh tịnh là chân thật, tâm ô nhiễm là giả, là bất đắc dĩ mà nói, là mê một lúc, trọn chẳng phải là cái tâm thanh tịnh của chúng ta bị mất đi. Vì thế, đối với nhiễm mà nói tịnh, tịnh và nhiễm là tương đối, đều nhằm mục đích thuyết pháp thuận tiện mà lập ra danh tướng, đó là danh từ thuật ngữ.

Nói tới “nhiễm” tức là khởi lên ý niệm tham, sân. Trong cảnh giới chúng ta thường tiếp xúc, đối với những cảnh rất phù hợp ý nghĩ của chính mình bèn khởi tâm tham. Tham là nhiễm, vì sao? Trong tâm thanh tịnh không có tham. Tham là phiền não, không có phiền não ấy. Đối với cảnh giới chẳng hợp ý nghĩ của chính mình bèn khởi tâm sân. Nóng giận do nghịch cảnh sanh ra, tham ái do thuận cảnh sanh ra, chúng đều ô nhiễm cái tâm thanh tịnh, ô nhiễm trí huệ quang minh sẵn có, nên gọi là “nhiễm”. Chúng tôi nêu lên hai thí dụ này, chúng là căn cội to lớn của nhiễm pháp; nếu nói cặn kẽ, sẽ chẳng thể nói hết được! Vì vậy, những thứ này đều gọi là “phiền não”.

Phật pháp nói tới vô lượng vô biên phiền não. Trong Tứ Hoảng Thệ Nguyện nói “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Tham, sân là căn bản, là đại căn đại bản. Khi viết Bách Pháp Minh Môn Luận, Thiên Thân Bồ Tát đã quy nạp vô lượng vô biên phiền não thành hai mươi sáu loại lớn, có sáu món là Căn Bản Phiền Não, hai mươi món [còn lại] là Tùy Phiền Não. Rất nhiều đồng tu đã từng đọc luận này. Đây là những điều được giảng trong Bách Pháp Minh Môn Luận. Trong kinh luận, chúng ta thường thấy nói tới Kiến Tư phiền não, thật ra chúng chính là Căn Bản Phiền Não như trong Bách Pháp Minh Môn Luận đã giảng¹. Kiến Hoặc gồm năm loại, Tư Hoặc gồm năm loại. Kiến Hoặc là những sai lầm về mặt kiến giải, phát sanh từ những kiến giải sai lầm. Tư Hoặc là do tư

¹ Theo Bách Pháp Minh Môn Luận, Căn Bản Phiền Não gồm Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, và Bất Chánh Kiến, còn Kiến Tư Phiền Não thì gồm mười loại; vì sao lại nói Kiến Tư Phiền Não chính là Căn Bản Phiền Não? Nếu xét kỹ, ta thấy Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi chính là Tư Phiền Não (Tư Hoặc), còn Bất Chánh Kiến chính là Kiến Hoặc. Nếu phân tích tỉ mỉ thì Bất Chánh Kiến được chia thành năm thứ nhỏ hơn là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến và Tà Kiến.

tưởng sai lầm biến hiện. Những điều này đều là duy thức sở biến, biến ra, chúng thật sự không có, mà là giả có.

Nếu quý vị chẳng hiểu chân tướng sự thật này, chúng sẽ khởi tác dụng, quý vị bị chúng nó trói buộc, sẽ chịu khổ, có cảm giác khổ sở. Nếu quý vị quán sát, thấy thấu suốt nó là giả, chẳng thật, quý vị sẽ thoát khỏi những phiền não ấy. Có thể giải thoát, có thể vượt thoát, thậm chí có thể chuyển biến nó, đó gọi là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”. Thật ra, trí huệ và phiền não là một chuyện, khi mê thì là vô lượng vô biên phiền não; lúc ngộ bèn là vô lượng vô biên trí huệ. Nó là một thứ, chẳng phải hai thứ; phiền não ta không cần, được rồi, trí huệ cũng chẳng có. Bản thể của chúng là một, quý ở chỗ biết chuyển biến. Quý vị phải tự mình biết chuyển biến, chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn. Thế là một, không hai.

Có nhiệm pháp tồn tại thì chúng ta gọi là thế gian; nếu không có nhiệm pháp thì chúng ta gọi đó là xuất thế gian. Thật ra, thế gian cũng chẳng có xuất hay nhập! Xuất thế và nhập thế cũng chỉ là một danh từ bị biến hóa mà thôi. Thuật ngữ văn tự đâu có thế gian hay xuất thế gian? Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Vì vậy, một mê, hết thấy mê; một ngộ, hết thấy ngộ, quyết chẳng phải là nói ta ngộ nơi này, ta mê nơi kia, không có lẽ ấy! Đó là một, chẳng phải hai. Nếu nói bản thân chúng ta khai ngộ rồi, có rất nhiều người chẳng liễu giải chân tướng sự thật này, tự cho mình là khai ngộ, lại còn có những kẻ đi chứng minh cho người khác, tức là chứng nhận người khác khai ngộ. Tại Los Angeles, tôi đã từng thấy hiện tượng này.

Khi tôi đang giảng kinh, trong thính chúng có người bảo tôi: “Có năm người đã khai ngộ. Có vị Thượng Sư X.... xoa đầu thọ ký cho họ, nói năm người ấy đã khai ngộ”. Trong số ấy, có hai người cũng đến thăm hỏi tôi, tôi vừa nhìn, [biết ngay là họ] chưa khai ngộ! Vì sao biết họ chưa ngộ? Họ đến thưa hỏi tôi, thỉnh giáo tôi mấy vấn đề, tôi trả lời: “Nếu quý vị đã khai ngộ, quý vị chẳng đến gặp tôi, cũng chẳng hỏi tôi này nọ. Nếu quý vị đến hỏi tôi, đến chỗ tôi thỉnh giáo, đủ thấy quý vị chưa khai ngộ. Đó là thật, chẳng giả chút nào! Vì sao? Tôi chưa khai ngộ, quý vị đã khai ngộ mà còn có câu hỏi phải đến hỏi tôi là một kẻ chưa khai ngộ, chẳng phải là quý vị điên đảo hay sao? Lẽ đâu có chuyện ấy? Gạt kẻ lơ mơ mà thôi!”

Họ bèn hỏi tôi: “Người khai ngộ là như thế nào?” Tôi nói: - Người khai ngộ thông đạt hết thấy. Quý vị đọc *Đàn Kinh*, *Lục Tổ* đã khai ngộ, *Lục Tổ* hướng về ai thỉnh giáo? Chỉ có người ta đến thỉnh giáo Ngài,

Ngài “một ngộ, hết thủy ngộ”. Lục Tổ chưa từng đọc kinh, bất cứ ai đem những điều gì trong kinh điển đến hỏi Ngài, Lục Tổ không biết chữ, quý vị đọc cho Ngài nghe, Ngài vừa nghe xong liền giảng đạo lý cho quý vị nghe, giảng thật viên mãn, chẳng sai tí nào. Đó là khai ngộ. Nay quý vị khai ngộ, nhưng cầm kinh điển xem không hiểu, còn đến hỏi tôi, chúng tôi quý vị chưa khai ngộ! Kẻ ẩn chứng cho quý vị đã khai ngộ là hạng gạt người!

Là vì trong hiện tại, những người trẻ tuổi ham cao chuộng xa, ưa lạ chuộng quái, vì thế có những kẻ cố ý giở trò để lường gạt, chính quý vị bị gạt mà không biết, thật đáng thương! Họ thọ ký cho quý vị, nói quý vị đã khai ngộ. Quý vị đi rồi, họ cười sau lưng quý vị: “Đồ ngốc nghếch! Thứ đàn độn! Lừa gạt nó mà nó vẫn chẳng biết gì! Nó cứ tưởng nó đã thật sự khai ngộ”. Do vậy, ngộ và chẳng ngộ, chính mình hiểu đích xác, ngộ thì tâm thanh tịnh, mê thì tâm khởi phiền não, tâm chẳng bình tịnh, vọng niệm rất nhiều; đó đều là hiện tượng mê hoặc.

(Diễn) Nhiễm tịnh tuy thù, bất ly tự tâm.

(演) 染淨雖殊，不離自心。

(Diễn: Nhiễm tịnh tuy khác, chẳng lìa tự tâm).

“Nhiễm - tịnh” tuy là hai thứ cảnh giới khác xa nhau, nhưng “bất ly tự tâm”: Một đằng là tâm ngộ, một đằng là tâm mê. Nếu tâm ngộ thì là tịnh, được gọi là xuất thế gian. Nếu tâm mê thì là nhiễm, được gọi là thế gian. Đều là tâm, tâm giác hay mê [mà thôi]!

(Diễn) Dĩ ly tâm vô lục đạo.

(演) 以離心無六道。

(Diễn: Vì lìa tâm thì không có lục đạo).

Cảnh giới được hiện bởi mê và ngộ khác nhau. Khi mê, Nhật Chân pháp giới biến thành cảnh giới lục đạo luân hồi. Do vậy, lục đạo luân hồi do đâu mà có? Do chính mình biến hiện. Chính mình biến hiện cho chính mình thụ dụng, cho chính mình chịu đựng. Khổ quá! Ví như chính mình chế tạo xiềng chân, còng tay, chế tạo ra chúng để làm gì? Để tự trói buộc mình. Kẻ mê hoặc làm chuyện ấy, giống như tầm kéo kén tự trói buộc mình. Người mê hoặc làm chuyện ấy. Sau khi đã ngộ thì là tam thừa.

(Diễn) Ly tâm vô tam thừa cố.

(演) 離心無三乘故。

(Diễn: Là tâm thì chẳng có tam thừa).

“Tam thừa” là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, vượt thoát lục đạo. Do vậy nói: Ngộ thì lục đạo biến thành tam thừa, mê thì tam thừa biến thành lục đạo. Cảnh chuyển theo tâm, chẳng phải là tâm chuyển theo cảnh. Đức Phật chỉ điểm cho chúng ta điều này; nói thật ra, đúng là ân đức không chi lớn bằng! Do từ khai thị này, chúng ta đích xác có cơ duyên phá mê khai ngộ, có cơ hội ấy. Do trước kia, chúng ta không biết chân tướng sự thật này, Ngài bảo cho chúng ta biết.

Hiện tượng thật sự vốn là là cảnh giới chuyển theo tâm. Hễ cảnh giới chuyển biến theo cái tâm, con người sẽ rất tự tại! Nếu tâm chuyển theo cảnh giới, sẽ hết sức đau khổ: Bất luận gặp chuyện nhỏ nhặt nào, cũng đều phải hỏi ý thần, hỏi thầy bói, hỏi thầy Phong Thủy, khổ lắm, khổ đến cùng cực! Nhất cử nhất động đều bị trói buộc, tâm bị cảnh chuyển mà!

Nếu cảnh chuyển theo tâm, quý vị sẽ tự tại. Về căn bản, quý vị chưa biết sử dụng cách này. Bất luận quý vị ngồi ở nơi đâu, Phong Thủy nơi đó không tốt, chỉ cần quý vị ngồi xuống, Phong Thủy bèn chuyển biến, chuyển thành Phong Thủy tốt đẹp, tự tại lắm! Hoàn toàn do cái tâm thanh tịnh của chính quý vị. Quý vị tin vào bản thân thì cảnh giới sẽ chuyển theo quý vị. Quý vị chẳng tin tưởng chính mình, mà tin vào Phong Thủy, tin vào vận mạng, quý vị sẽ bị cảnh giới xoay chuyển! Do vậy, nói đến vận mạng thì chuyện này rất đơn giản, vấn đề là quý vị có lòng tin vào chính mình hay không? Quý vị có tâm thanh tịnh hay không? Quý vị có tâm thanh tịnh, có lòng tự tin, chắc chắn chuyển được vận mạng.

Đoạn này nhằm bảo với chúng ta như thế. Chính mình nhất định có thể làm chủ tể, mười pháp giới đều chẳng ra ngoài nhất tâm. Trong tam thừa, Bồ Tát đạt đến viên mãn rốt ráo thì gọi là Phật. Do vậy, nói tam thừa bao gồm cả Phật. Bồ Tát và Phật cùng một loại, là Đồng Sanh Tánh², là một loại. Lại xem đoạn kế tiếp:

² Trong A Di Đà Kinh Yêu Giải Giảng Ký, hòa thượng Tịnh Không đã giảng như thế này: “Dị Sanh là địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo, Đồng Sanh là từ địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên. Sau khi đã minh tâm kiến tánh, quý vị sử dụng cùng một cái

(Diễn) Tịnh Độ y chánh, giai thị Bản Giác giả.

(演) 淨土依正，皆是本覺者。

(Diễn): Y báo và chánh báo của Tịnh Độ đều là Bản Giác).

Vì sao thế giới Tây Phương trang nghiêm như thế? Đạo lý ở chỗ nào? Đức Phật bảo chúng ta: Sự trang nghiêm thanh tịnh của thế giới Tây Phương là do tâm thanh tịnh của chúng sanh ở nơi đó hiện ra. Do đây, có thể biết: Sự ô uế trong thế giới này là do cái tâm ô nhiễm của chúng sanh trong thế giới này hiện ra! Vì thế, nói thật ra, đối với đại hoàn cảnh sông, núi, sông, cõi nước của chúng ta, bản thân mỗi cá nhân chúng ta đều phải có trách nhiệm. Trong kinh nói rất rõ ràng, đó là “*cộng nghiệp sở cảm*”, tức là do cộng nghiệp của chúng sanh [cảm thành thế giới này]. Nếu trong một quốc gia, ai nấy đều tuân thủ pháp tắc, ai nấy giữ lễ, xã hội ấy sẽ tự nhiên xuất hiện sự an tường, hòa thuận. Nếu mỗi cá nhân đều chẳng giữ pháp tắc, mỗi cá nhân đều mách khỏe, lươn lẹo, xã hội nhất định động loạn, đó là đạo lý nhất định. Vì thế, cổ nhân có nói, như trong sách Tả Truyện đã chép: “*Quốc chi tương hưng, thịnh ư dân; quốc chi tương vong, thịnh ư thần*” (Nước sắp hưng thịnh, nghe theo ý dân; nước sắp mất, nghe theo lời thần). Hết thấy đều bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, quốc gia ấy nhất định phải diệt vong! Nếu nghe theo ý kiến của mọi người để lo liệu mọi sự, quốc gia ấy nhất định hưng vượng, nghe theo ý dân thì quốc gia ấy phải hưng thịnh.

Chúng ta thấy triều đình nhà Thanh là một tấm gương rõ rệt nhất! Người trong triều đình nhà Thanh chẳng phải là thiếu học thức, nhưng họ học hành mà chẳng biết vận dụng, xử sự hồ đồ! Chúng ta nhìn vào lịch sử của triều đình nhà Thanh, khi người Mãn Thanh vào bên trong quan ải, thủa ấy, họ thật sự nghe theo ý dân, tôn trọng ý kiến của quần chúng, cho nên có thể thu phục lòng dân Trung Quốc. Dân chúng Trung Quốc ủng hộ họ: “Họ có thể bảo vệ dân chúng, luôn luôn nghĩ cách tạo lợi ích cho dân chúng, chúng ta sẽ ủng hộ họ”. Nếu họ chẳng được đại đa số dân chúng ủng hộ, làm sao họ có thể lập quốc gần ba trăm năm? Đây chẳng phải là chuyện dễ dàng! Khi Thanh triều sắp diệt vong, trong quá khứ, Chương Gia đại sư đã bảo tôi: Ngài có quan hệ mật thiết với hoàng tộc nhà Thanh, Từ Hy thái hậu là đệ tử quy y của Chương Gia đại sư,

tâm giống như chư Phật, dùng chân tâm, nên gọi là Đồng Sanh Tánh. Khi chưa kiến tánh, dùng thức tâm (tám thức), chẳng dùng chân tâm, nên gọi là Dị Sanh”.

[tức là đệ tử quy y] của vị Chương Gia thuộc đời trước, chứ không phải đời hiện tại.

Tôi đã từng hướng về lão nhân gia thưa hỏi chuyện cầu cơ. Vào lúc nhỏ, khi tôi đi học Tiểu Học ở Phước Kiến đã từng thấy chuyện này, thấy họ phò cơ³. Sau khi đến Đài Loan cũng có thấy, nhưng thấy họ cầu cơ hoàn toàn khác hẳn. Do vậy, tôi rất hoài nghi, tôi thỉnh giáo lão nhân gia. Tôi tin tưởng cách cầu cơ ở Đại Lục, vì chẳng phải là một người [hầu cơ bút], lại còn chẳng phải là “cơ đồng” chuyên nghiệp. Thỉnh thần giáng cơ quá nửa là người kéo xe, gánh nước, bán củi, đều là những người không biết chữ, tùy tiện kiếm được, tùy tiện mời từ ngoài đường vào. Cầu cơ xong, tặng phong bao lì xì cho họ, làm như vậy đó. Tùy tiện mời đến, tuyệt đối thỉnh những người lao động nặng không biết chữ. Hai người phò cơ, viết chữ trên mâm cát, chữ viết rất quy củ, viết theo lối chữ Chánh Khải, chúng tôi ở bên cạnh nhìn đều nhận ra. Mỗi lần đại khái là trong một giờ có thể viết ra ba bốn chục chữ, không nhiều! Do họ là những người không biết chữ, nương vào sức của thần đề di chuyển cơ bút. Vì thế, tôi cảm thấy chuyện ấy là thật, chẳng phải gạt người!

Nhưng khi đến Đài Loan xem cầu cơ, tôi cảm thấy phong cách gạt người trong ấy rất đậm: Họ là những người cầu cơ chuyên nghiệp, thay đời người khác không được! Chỉ có một người, đã thế, cơ bút di động quá nhanh. Tôi rất chú ý, đứng bên cạnh xem, xem hồi lâu cũng chẳng nhận được chữ nào! Chỉ thấy họ vạch loạn xạ, miệng thì đọc, lệ vô cùng! Người bên cạnh ghi lại thì phải hai ba người ghi, chứ một người ghi không xuê, chưa đầy nửa tiếng đã viết mấy ngàn chữ, hết sức đáng nghi, tôi không tin tưởng! Do vậy, tôi đem chuyện này hỏi Chương Gia đại sư, Ngài bảo tôi: “Chuyện này không thật! Phàm những kẻ giáng đàn xung là Phật, Bồ Tát nào đó, hay thần tiên nào đó giáng lâm đều là giả, đều là gạt người, sự thật là quỷ thần mượn danh nghĩa Phật, Bồ Tát, thần tiên, họ cũng đến làm một chút chuyện tốt, do vậy, có linh thiêng. Chuyện nhỏ thì họ biết, nói rất chính xác, còn đại sự thì nói nhăng, nói càn, bịa đặt, đồn thổi, họ chẳng chịu trách nhiệm”. Do vậy, nói chuyện này là nói đến chuyện [vì sao] Thanh triều vong quốc!

³ Gọi là “phò cơ” (đúng ra phải đọc là “phù cơ”, “phù” (扶) là nâng đỡ) vì đồng tử (thanh đồng, cơ đồng) gồm có hai người sẽ nâng cơ bút (thường có hình giống như cái giỏ, phía trước có mỏ nhọn thường khắc hình chim loan, nên còn gọi là “loan bút”; do vậy, cầu cơ theo lối này còn gọi là “phò loan”) để viết chữ xuống mâm đựng cát. Một hình thức ít phổ biến hơn là thanh đồng trực tiếp cầm bút gỗ viết xuống mâm cát.

Vào những năm cuối đời nhà Thanh, từ chính Từ Hy thái hậu cho đến vương công, đại thần, đối với chuyện quốc gia đại sự đều chẳng thể tự mình làm chủ, đều là thỉnh ý quý thần qua cơ bút, hoàn toàn nghe lời quý thần, kết quả suy bại đến nỗi nước mất nhà tan. Bởi lẽ, những quý thần ấy đâu có chịu trách nhiệm! Quý vị hỏi những chuyện cá nhân nhỏ nhặt, họ nói rất linh, hỏi tới chuyện quốc gia đại sự, họ bèn nói nhăng, nói càn. Vì thế, Chương Gia đại sư bảo tôi: “Những chuyện ấy quyết định chớ nên tin, hãy biết đó là quý thần gây rối, chứ không phải là Phật, Bồ Tát giáng đàn”, chúng ta phải nhận biết điều này. Quả thật có chuyện [ma quỷ tác quái] như vậy, chắc chắn chẳng phải là Phật, Bồ Tát [giáng cơ]!

“*Tịnh Độ y chánh*” (y báo và chánh báo của Tịnh Độ) cũng là cái tâm thanh tịnh của chính mình, do giác tâm biến hiện.

(Diễn) *Y tức bảo trì, hàng thụ đẳng.*

(演) 依即寶池行樹等。

(Diễn: *Y báo chính là ao báu, hàng cây v.v...*)

Y báo là nói tới hoàn cảnh sống của chúng ta, “*bảo trì, hàng thụ*” là như kinh A Di Đà đã nói “*thất bảo trì, bát công đức thủy, thất trùng hàng thụ, thất trùng la võng*” (ao bằng bảy báu, nước có tám công đức, bảy tầng cây, bảy tầng lưới báu), những câu này trong kinh văn rất đơn giản, nhưng thật ra, sự trang nghiêm ấy thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Dùng “*thất*” nhằm biểu thị ý nghĩa viên mãn, chứ không phải là một con số. Nếu quý vị thấy thứ nào cũng là bảy thì chúng đều giống như cùng một khuôn mẫu định sẵn, đâu có ý nghĩa gì? Nhìn một cái rồi thôi! Có gì dễ coi đâu? “*Thất*” biểu thị viên mãn, như thế nào mới là viên mãn? Thuận theo ý nghĩ của chính mình là viên mãn; tôi thích như thế nào, nó liền biến hiện như thế ấy, đó gọi là viên mãn. Quý vị thích như thế nào, nó liền biến hiện như thế ấy. Đó là viên mãn.

Do vậy, mỗi thứ viên mãn, niệm niệm viên mãn, do viên mãn mà gọi là “*thất*”. “*Thất*” tượng trưng cho bốn phương, trên, dưới và chính giữa; đó là viên mãn! Do đó, nó biểu thị ý nghĩa này, chứ không phải là một con số.

Trong kinh Hoa Nghiêm dùng “*thập*” cũng nhằm biểu thị sự viên mãn; do vậy, đều chẳng thể coi chúng như những con số. Nếu coi chúng là những con số, đã hiểu sai ý nghĩa mất rồi! Do vậy, từ điểm này, quý vị

hiểu rõ kinh Phật chẳng dễ gì phiên dịch, khó dịch lắm! Chẳng trách gì người ngoại quốc dịch chữ Lương Túc Tôn thành “chỗ tôn quý nhất giữa hai đùi”, nực cười thay! Do vậy, khi dịch “*thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ*” như những con số thì làm lẫn quá lớn! Vì vậy, phải hiểu rằng: Đây là nhằm biểu thị pháp, biểu thị sự viên mãn.

“*Thất bảo trì*” tức là ao báu viên mãn, chẳng có tí khuyết điểm nào, hết sức hoàn mỹ! “*Bảy hàng cây*” nghĩa là cây cối hết sức viên mãn, chẳng có khuyết điểm gì, tận thiện, tận mỹ, biểu thị ý nghĩa đó. Do vậy, thứ gì cũng đều dùng chữ “*thất*”. Nói cách khác, không có khuyết điểm gì, thứ gì cũng viên mãn. Vì thế, Mật Tông có pháp tu Đại Viên Mãn (Dzogchen)⁴, Tây Phương Cực Lạc thế giới là đại viên mãn, không có một pháp nào chẳng viên mãn, quý vị nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Đây là nói về sự viên mãn thanh tịnh nơi hoàn cảnh y báo.

(Diễn) Chánh tức Phật cập Bồ Tát tam bởi cử phẩm đẳng.

(演) 正即佛及菩薩三輩九品等。

(**Diễn:** Chánh báo tức là Phật, Bồ Tát, và ba bậc chín phẩm vãng sanh v.v...)

“*Chánh*” là chánh báo. Chánh báo là nói về hữu tình chúng sanh. Y báo là nói về vô tình, là hoàn cảnh. Nói theo cách hiện thời, thực vật và khoáng vật là y báo; động vật gọi là chánh báo. Giáo chủ là A Di Đà Phật. Một thế giới chỉ có một vị Phật, đó là “*giáo hóa chủ*”, giống như hiệu trưởng của một trường học, chỉ có một người, những người khác đều là Bồ Tát. Chư Phật từ các thế giới ở phương khác đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều phải dùng thân phận Bồ Tát, hiện thân phận Bồ Tát.

⁴ Theo Mật Tông Tây Tạng, Dzogchen chỉ trạng thái viên mãn, nguyên sơ, hoàn thiện của cái tâm. Theo ngụ ý, chữ này gần như tương đương với Thủ Giác, vì trong các sách vở viết về Dzogchen, họ hay dùng tỷ dụ như sau: “Tâm đạt đến trạng thái Dzogchen sẽ giống như quả cầu pha lê phản chiếu màu sắc của vật đặt gần nó, nhưng quả cầu vẫn trong suốt”. Điều này giống như cách nói “tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch” trong Đại Thừa Phật giáo. Phép tu này được đề xướng bởi Cổ Mật (Nyingmapa) và cũng được các tông phái khác coi trọng. Theo truyền thuyết, phép tu này được sáng lập bởi Prahevajra, truyền cho Mañjuśrīmitra, Mañjuśrīmitra truyền cho Śrī Simha. Vị này truyền cho Liên Hoa Sinh đại sĩ (Padmasambhava), sáng tổ của Phật giáo Tây Tạng.

Giống như nói: Ngôi trường này chỉ có một hiệu trưởng, hiệu trưởng các trường khác có thể đến trường này để dạy thêm, lên lớp, nhưng họ đến trường của quý vị để dạy học, chẳng thể dùng thân phận hiệu trưởng, chẳng thể xuất hiện hai hiệu trưởng. Họ nhất định phải dùng thân phận “giáo thọ” (thân phận giáo sư chỉ dạy) trong ngôi trường này. Vì thế, mười phương chư Phật đến thế giới Tây Phương đều hiện thân phận Đẳng Giác Bồ Tát, chứ nói thật ra, Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí đều đã sớm thành Phật, nhưng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, các Ngài hoàn toàn dùng thân phận Đẳng Giác Bồ Tát để xuất hiện. Điều này cho thấy trong một thế giới chỉ có một vị Phật.

“*Tam bối cứu phẩm*” là người vãng sanh, là những người niệm Phật trong mười phương thế giới vãng sanh Tịnh Độ, từ ngữ này chỉ những người đó. Những vị Bồ Tát ấy đều là thả chiếc bè Từ, chẳng phải là người tầm thường, đã sớm thành Phật, nhưng lui xuống địa vị Bồ Tát đến thế giới Tây Phương giúp A Di Đà Phật giáo hóa chúng sanh, đủ thấy sự trang nghiêm trong thế giới ấy.

Trong thế giới này, chúng ta kiếm một vị thiện tri thức hay người có chánh tri chánh kiến tìm không ra, luôn luôn chẳng dễ dàng! Tìm một vị A La Hán, Bồ Tát, càng khó hơn nữa; nhưng đến thế giới Tây Phương thì lại quá nhiều! Do vậy, nơi đó là hoàn cảnh tu học tốt đẹp.

“*Tam bối cứu phẩm*” là do vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị cao hay thấp khác nhau, giống như đi học: Có người học lớp Một, có người học lớp Hai, có người học lớp Ba, trình độ khác nhau. Thế giới Tây Phương có bốn cõi, có cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, và cõi Thường Tịch Quang, giống như trong học đường có Tiểu Học, Sơ Trung, Cao Trung, Đại Học.

Trong mỗi cõi đều có ba bậc chín phẩm. “*Tam bối*” là thượng, trung, hạ. “*Cứu phẩm*” là trong tam bối chia ra [thành những phẩm vị], trong thượng bối có thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm, trong trung phẩm có trung thượng, trung trung, trung hạ, trong hạ phẩm có hạ thượng, hạ trung, hạ hạ. Do vậy, có tất cả chín phẩm. Bốn cõi có ba bậc chín phẩm, mỗi một cõi đều có ba bậc chín phẩm.

Nói đến chỗ này, trong một hai năm nay phát sanh một vấn đề, có người đề xuất một chủ trương mới: “Cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ chẳng thể đời nghiệp!” Truyền thuyết ấy lan truyền khắp trong ngoài nước, lan truyền rất phổ biến.

Do vậy, có rất nhiều đồng tu niệm Phật bị thuyết này lung lạc, lòng người kinh hoảng, chẳng biết phải làm như thế nào! Niệm Phật đã lâu như vậy mà chẳng thể vãng sanh, chẳng phải là hồng bút ư? Chẳng phải là niệm Phật ủng công ư? Dấy lên sóng gió rất to như vậy, có mấy năm thôi!

Năm trước, tôi đến Nữ Ước, khi cư sĩ Trầm Gia Trinh và tôi gặp mặt, ông ta đem ngay chuyện này hỏi tôi. Ở Los Angeles, lão cư sĩ Châu Tuyên Đức vừa gặp mặt tôi liền nêu ngay câu hỏi này. Cụ không biết niệm Phật phải theo đường hướng nào, bèn hỏi tôi câu này. Chắc là không ít người biết cư sĩ Châu Tuyên Đức, cụ là người sáng lập Huệ Cự⁵, hiện là Đồng Sự Trưởng (Chairman of the board) của Huệ Cự Cơ Kim Hội.

Những người tra cứu kinh điển nói trong kinh điển không tìm thấy chữ “đới nghiệp vãng sanh”, trong kinh không có từ ngữ ấy, mà có chữ “tiêu nghiệp”. Vì vậy, họ chủ trương tiêu nghiệp, chứ không thể đới nghiệp. Ngay khi đó, tôi hỏi cụ: “Trong kinh vẫn có nói thế giới Tây Phương có ba bậc chín phẩm hay không?” Cụ nói: “Điều ấy có!” “Vậy thì được rồi! Nếu chẳng đới nghiệp, lẽ nào có ba bậc chín phẩm? Chẳng thể nào có chuyện ấy được!” Do vậy, quý vị đọc kinh đừng chấp chết cứng nơi văn tự. Có rất nhiều thứ đức Phật không nói rõ ra hay chưa nói đến, nhưng xét về ý nghĩa thì có. Nếu chẳng phải là đới nghiệp mà là tiêu nghiệp, sau khi nghiệp đã tiêu rồi, quý vị nghĩ xem có còn cần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nữa chẳng? Chẳng cần!

Vì sao chẳng cần? Nghiệp đã tiêu tức là thành Phật rồi! Chẳng đới nghiệp bèn thành Phật! Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn kèm theo một phẩm sanh tướng vô minh, tra trong hết thấy kinh Đại Thừa đều thấy nói điều

⁵ Huệ Cự là một tổ chức bất vụ lợi do cụ Châu Tuyên Đức (1899-1989) thành lập nhằm mục đích truyền bá chánh pháp, uốn nắn lòng người theo khuôn mẫu đạo đức. Tổ chức này gồm năm bộ phận chính là Huệ Cự Tạp Chí Xã, Huệ Cự Xuất Bản Xã, Huệ Cự Phật Học Hội, Dư Thị Cơ Kim Hội và Chiêm Thị Cơ Kim Hội. Cụ Châu Tuyên Đức quê ở huyện Nam Xương, tỉnh Giang Tây, tốt nghiệp ngành hóa học công nghiệp tại đại học Bắc Kinh, từng làm giảng sư đại học, kiêm nhiệm chức vụ giáo vụ trưởng, hiệu trưởng của nhiều trường học tại Trung Quốc và Đài Loan. Dư Thị Cơ Kim Hội chính là quỹ tài trợ nhằm tưởng niệm tiên sinh Dư Gia Cúc (một học giả Phật Giáo và Nho Giáo thời cận đại) với mục đích tưởng thưởng khuyến khích các hoạt động chấn hưng phong hóa xã hội. Chiêm Thị Cơ Kim Hội là quỹ tài trợ do tiên sinh Chiêm Dục Trai (Chiêm Lệ Ngô) khởi xướng, quyên tặng, nhằm trao giải thưởng cho các luận văn nghiên cứu Phật giáo trong các trường đại học, cũng như tài trợ các hoạt động Phật giáo tại Canada.

này, có đây! Trong kinh có điều này! Nói cách khác, Đẳng Giác Bồ Tát đều là đời nghiệp. Chỉ có Phật chẳng đời nghiệp, Phật nào vậy? Phật trong Viên Giáo; còn Phật trong Tạng Giáo, Biệt Giáo, Thông Giáo đều đời nghiệp, chỉ có Viên Giáo Phật là chẳng đời nghiệp! Nói cách khác, [nếu bảo chỉ có tiêu nghiệp mới có thể vãng sanh, không thể đời nghiệp] thì không ai có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải là Viên Giáo Phật mới có tư cách vãng sanh. Ai đến đó? Nói không thông! Do đời nghiệp nên mới có ba bậc chín phẩm trong bốn cõi. Người đời nghiệp nhiều, phẩm vị thấp; người đời nghiệp ít, phẩm vị cao. Do vậy, quý vị thấy Đẳng Giác Bồ Tát chỉ mang theo một phẩm, mang theo ít nhất; còn như Sơ Trụ Bồ Tát thì mang theo bốn mươi phẩm vô minh, mang theo nhiều.

Cách nói tiêu nghiệp ấy có sai lầm hay không? Cũng chẳng sai lầm! Tiêu nghiệp nhiều thì đời nghiệp ít; tiêu nghiệp ít thì đời nghiệp nhiều. Do vậy, [tiêu nghiệp và đời nghiệp] là một, không phải hai. Chấp trước tiêu nghiệp, chẳng chấp nhận đời nghiệp, hoặc chấp trước đời nghiệp, chẳng chấp nhận tiêu nghiệp đều chẳng thông suốt, đều là làm lạc! Tôi giải thích với cụ như vậy, cụ nghe xong cũng cảm thấy có lý, tâm liền thoải mái, thật thà niệm Phật.

Phật pháp nói đến lý. Ở đây là ba bậc chín phẩm. Vãng sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chúng ta dùng “tiêu” và “đời” để nói thì tiêu Kiến Tư phiền não hiện hành, mang theo chủng tử tập khí của Kiến Tư, người ấy có tiêu nghiệp và đời nghiệp bèn sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chúng ta gọi [mức độ như vậy] là “công phu thành phiền”. Nếu niệm đến Sự nhất tâm bất loạn thì có thể nói là tiêu Kiến Tư phiền não, mang theo Trần Sa vô minh, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Lại lên cao hơn một bậc nữa là Lý nhất tâm bất loạn, người ấy tiêu nghiệp càng nhiều hơn. Người ấy tiêu Kiến Tư, Trần Sa và một phần vô minh, tuy vô minh chưa tiêu hoàn toàn, nhưng tối thiểu phải tiêu một phẩm. Trong bốn mươi một phẩm vô minh, người ấy phải đoạn được một phẩm, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Có thể thấy: Đứng là tiêu nghiệp nhiều, đời nghiệp ít; tiêu nghiệp ít bèn đời nghiệp nhiều, cho nên mới có hiện tượng ba bậc chín phẩm. Tịnh Độ Tam Kinh và nhiều kinh điển Đại Thừa khác khi giảng về Tây Phương Tịnh Độ đều nói điều này rất rõ ràng. Ở đây, sách Diễn Nghĩa chú giải như sau:

(Diễn) Như hậu văn sở minh.

(演) 如後文所明。

(Diễn: Như sẽ giảng trong phần kinh văn ở phía sau).

Phía sau sẽ lại bàn tới. Hiện thời, chúng ta chủ yếu bàn luận về “y báo và chánh báo trong cõi Tịnh Độ đều do Bốn Giác hiện ra”. Tiếp đó, sách viết:

(Diễn) **Bảo trì tức tự tánh chi uông dương xung dung.**

(演) 寶池即自性之汪洋冲融。

(Diễn: Ao báu chính là tự tánh mênh mông, bát ngát).

Ao bảy báu do đâu mà có? Do như vậy mà có, từ trong tâm thanh tịnh nơi tự tánh mà hiển hiện.

(Diễn) **Hành thụ tức tự tánh chi xuất sanh chúng thiện.**

(演) 行樹即自性之出生眾善。

(Diễn: Hàng cây chính là tự tánh xuất sanh các điều lành).

“Thụ” (樹: cây) mọc vừa cao vừa thẳng, có ý nghĩa vượt trời, biểu thị ý nghĩa này. Nếu chúng ta hiểu được nghĩa thú biểu thị pháp trong kinh điển thì thật ra ở ngay trước mắt, chúng ta thấy biển cả, thấy ao chuôm, quý vị cũng có thể hỏi quang phản chiếu: Hình tượng ấy do một phần công đức trong tự tánh hiển lộ, mười phương thế giới không có pháp nào chẳng phải là như thế. Do vậy, trong Phật môn dùng biểu thị pháp làm công cụ dạy học.

Giống như hoa, quý vị thấy hoa, ngay lập tức nghĩ đến chúng ta phải tu nhân, phải tu nhân lành. Hoa rất đẹp, có thể khiến cho chúng ta vui vẻ, đó là thiện pháp. Do vậy, trông thấy [hoa], chúng ta [bèn nghĩ]: Phải tu nhân lành. Nhân lành thì mới có thể kết quả tốt lành. Do vậy, hoa tượng trưng cho nhân hạnh (hạnh trong khi còn tu nhân) của Bồ Tát. Chúng ta cúng Phật phải cúng bằng trái cây, vì quả tượng trưng cho quả Bồ Đề Niết Bàn. Do vậy, thấy quả, chúng ta bèn nghĩ đến mục đích tu hành. Trong tương lai, chúng ta sẽ có kết quả. Trông thấy hoa, chúng ta biết hoa biểu thị “phải nhanh chóng tu nhân”. Vì thế, ta cúng Phật bằng những thứ ấy, chẳng phải là dâng cho Phật, Bồ Tát hưởng thụ. Phật, Bồ Tát chẳng cần những thứ ấy. Cúng cho ai? Cúng cho chính mình, tức là nhắc nhở chính mình phải cảnh giác, đó là công cụ để dạy học. Vì thế, sự

dạy học trong cửa Phật từ mấy ngàn năm trước đã thật sự đạt đến mức nghệ thuật hóa, phải hiểu điều này.

Chúng ta cúng dường đèn, đèn tượng trưng cho quang minh nơi tự tánh. Vì vậy, bất luận tại nơi nào, trông thấy mặt trời, trông thấy mặt trăng, trông thấy các ngôi sao, trông thấy hết thấy đèn đuốc, quý vị vừa tiếp xúc liền ngay lập tức nghĩ tâm địa tự tánh của chính mình phải chánh đại quang minh, đó gọi là tu hành. Quý vị biết hoa tượng trưng cho nhân hạnh, vậy thì bất luận ở nơi đâu, hễ thấy hoa thì chúng đều tượng trưng cho nhân hạnh. Tuyệt đối chẳng phải hoa cúng trong Phật đường mới biểu thị pháp, ra khỏi Phật đường thì không còn như vậy nữa! Nếu nghĩ như vậy, quý vị đã làm rồi! Phật đường là phòng học, những điều được dạy trong lớp học phải được ứng dụng bên ngoài phòng học. Quý vị phải quán như thế. Hết thấy các pháp thế gian, không một pháp nào chẳng phải là Phật pháp, không có một pháp nào chẳng ban cho quý vị khai thị không gì to lớn bằng, không có một pháp nào chẳng phải là kinh Hoa Nghiêm.

Vì thế, kinh Hoa Nghiêm ở đâu? Tận hư không trọn pháp giới đều là kinh Hoa Nghiêm, không có một pháp nào chẳng phải là kinh Hoa Nghiêm! Thật sự hiểu rõ thì quý vị mới biết sáu trần thuyết pháp, kinh Hoa Nghiêm chưa hề bị gián đoạn giữa chừng, vì sao? “Thấy sắc, nghe tiếng” đều biểu thị cảnh giới Hoa Nghiêm, đều là giảng kinh Hoa Nghiêm. Vấn đề là quý vị có biết nhìn và biết nghe hay không? Quý vị có hiểu sự thật này hay chẳng? Trong kinh Đại Thừa, nhất là trong bộ [Hoa Nghiêm Kinh] Sớ Sao của Thanh Lương quốc sư đã chú giải điều này hết sức tường tận. Trông thấy cây cối, chúng ta cũng có thể độc lập, vượt thoát giống như cây vậy. Đó gọi là vượt thoát tam giới, “*xuất sanh các điều lành*”.

(Diễn) Thanh Văn tức tự tánh Chân.

(演) 聲聞即自性真。

(Diễn): Thanh Văn chính là Chân Đế trong tự tánh).

Đây là nói tới Chân Đế trong Tam Đế. Chân Đế là chú trọng nơi Lý Thể để nói, do vì người Nhị Thừa tu học chú trọng cái tâm thanh tịnh của chính mình; cho nên người Nhị Thừa chẳng phát tâm giúp đỡ chúng sanh. Vì sao? Nếu mọi người đọc Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh sẽ hiểu. Đức Phật và Bồ Tát đều nói: “*Chúng sanh trong Diêm Phù Đề* (tức

là thế giới của chúng ta. Chúng sanh trong Diêm Phù Đề chính là chúng sanh trong thế giới của chúng ta) *wong nganh, khó giáo hóa*”. Vì vậy, A La Hán thông minh: Coi như xong! Ta chẳng độ chúng sanh, thêm một chuyện chẳng bằng bớt một chuyện, bớt một chuyện chẳng bằng không có chuyện gì! Một mình ta thanh tịnh, tự tại hơn nhiều lắm. Làm một kẻ giải thoát cho riêng mình, họ chỉ cầu tự giải thoát, chẳng bằng lòng giúp đỡ người khác. Do vậy, họ tu tâm thanh tịnh, chứng Thiên Chân Niết Bàn.

Do vậy, thành tựu của bậc A La Hán là thành tựu đại định, tâm thanh tịnh, tuy thành tựu đại định, nhưng không có trí huệ. Vì sao không có trí huệ? Tâm thanh tịnh rồi mà chẳng có trí huệ ư? Đúng vậy, tâm thanh tịnh rồi, chiếu theo lý mà nói thì sẽ có Căn Bản Trí, nhưng họ không phát tâm đại bi, nên tâm thanh tịnh chẳng sanh trí huệ, [cho nên] ngay cả Căn Bản Trí cũng không có! Thế nhưng ý niệm của vị ấy vừa chuyển, Căn Bản Trí liền lập tức hiện tiền. Vị ấy có sẵn tiền vốn, nhưng chưa chuyển nên như vậy. Chưa chuyển, nhưng vị ấy thật sự có tiền vốn. Vì thế, nếu vị ấy hồi Tiểu hướng Đại, Căn Bản Trí lập tức hiện tiền. Do vậy, gọi là Chân, là “*tự tánh Chân*”.

Lý Thể trong tự tánh cũng là Tướng Phần được hiện bởi tự tánh. Duy tâm sở hiện, nhưng chưa biến hóa, chưa khởi biến hóa. Cảnh giới được hiện là Tự Tánh Chân.

(Diễn) Bồ Tát tức tự tánh Tục.

(演) 菩薩即自性俗。

(Diễn: Bồ Tát chính là Tục Đế trong tự tánh).

Bồ Tát khởi biến hóa, Ngài muốn biến trí huệ, phước đức, và nhân duyên của chính mình thành Tha Thụ Dụng. Do vậy, tâm từ bi của Bồ Tát đặc biệt sâu nặng. Ngài muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh, giáo hóa hết thảy chúng sanh, phục vụ hết thảy chúng sanh. Bồ Tát chẳng sợ khổ sở, chẳng sợ đắng cay, nhọc nhằn, bỏ mình vì người, đó là Tục. Do vậy, Bồ Tát làm “*bất thỉnh chi hữu*” (bạn chẳng thỉnh) của chúng sanh. Quý vị không thỉnh Ngài, Ngài tìm quý vị, đó là Bồ Tát. A La Hán thì không được! Nếu quý vị cầu Ngài, chưa chắc Ngài đã chịu đáp ứng, Ngài vẫn phải coi xem quý vị có duyên phận hay không. Có duyên phận với Ngài thì Ngài mới chịu dạy quý vị. Không có duyên phận, Ngài chẳng chịu dạy bảo! Chẳng như Bồ Tát, Bồ Tát đúng là đại từ đại bi. Vì thế, Bồ Tát

tượng trưng cho Tục Đê, hòa quang đồng trần với hết thủy chúng sanh. Đó là Bồ Tát.

(Diễn) Phật tức tự tánh Trung đẳng.

(演) 佛即自性中等。

(Diễn: Phật chính là Trung Đê nơi tự tánh).

Phật đại diện cho Trung Đạo, Chân - Tục bất nhị, Chân - Tục như một, Chân chính là Tục, Tục chính là Chân. Đây là Phật. Do vậy, Trung Đạo mới là viên mãn thật sự. Do đây có thể biết rằng: Tam Thừa cũng là tướng được hiện trong tự tánh, cũng chẳng lìa tự tánh. Nếu lại mở rộng cảnh giới này ra để nói thì...

(Diễn) Hựu phục nhất niệm cụ túc tam thiên, nhi tam thiên trung, sanh âm nhị thiên vi chánh, quốc độ nhất thiên thuộc y. Quốc độ y chánh ký cư nhất tâm, nhất tâm khởi phân Năng - Sở? Cố viết “nhất nhất giai thị”.

(演) 又復一念具足三千，而三千中，生陰二千為正，國土一千屬依，國土依正既居一心，一心豈分能所，故曰——皆是。

(Diễn: Lại nữa, một niệm có đủ ba ngàn thứ, nhưng trong ba ngàn thứ ấy, sanh âm gồm hai ngàn thứ thuộc về chánh báo, quốc độ có một ngàn thứ thuộc y báo. Cõi nước, y báo và chánh báo đã ở trong nhất tâm, há có thể chia nhất tâm thành Năng và Sở u? Vì thế nói “mỗi mỗi đều là”).

Đoạn này thuộc về giáo nghĩa Thiên Thai; trong Thiên Thai nói “nhất niệm tam thiên”, “nhất niệm” viên mãn “đầy đủ tam thiên”. Nói thật ra, “tam thiên” là nhân duyên, quả báo của hết thủy pháp thế gian và xuất thế gian. Vì sao nói “tam thiên”? Con số “tam thiên” do đâu mà có? Từ kinh điển mà có! Đức Phật nói: Mê mất tự tánh là mê mất Nhất Chân pháp giới, biến thành mười pháp giới. Nói theo mười pháp giới thì Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác được gọi là “tứ thánh pháp giới”, ở ngoài tam giới. Chúng sanh giác ngộ, do trình độ giác ngộ có sâu hay cạn khác nhau, cho nên có bốn loại lớn. Phật là giác ngộ viên mãn. Lục phàm hoàn toàn mê chẳng giác (toàn mê bất giác), nhưng mức độ mê

cũng có sâu hay cặn khác nhau, do vậy có thiên, Tu La, nhân, nga quý, súc sanh, địa ngục. Lục phàm và tứ thánh nói gộp lại thì gọi là thập pháp giới, bèn có con số “*thập*” (mười) này.

Trong mỗi một giới, lại có mười pháp giới, chẳng hạn như loài người thì có người là Phật, có người là Bồ Tát, có người là Thanh Văn, có người là Duyên Giác. Trong loài người có “nhân trung thiên”, tức là phước báo lớn, cuộc sống giống như chư thiên. Trong loài người có “nhân trung nhân”, có “nhân trung Tu La”, Tu La có phước báo lớn, rất hung ác, rất tàn nhẫn. Có “nhân trung quý”, tức nga quý. Quý vị thấy tại Phi Châu, rất nhiều người đói khát. Chỗ hết sức đáng yêu của người Mỹ là tuy bản thân họ rất tiết kiệm, nhưng thấy tin tức ấy, mọi người đều quyên tiền giúp đỡ. Gửi đồ đến nơi đó thì sao? Gửi đồ ăn sang đó, người ta không ăn được! Họ đã đói trong một thời gian quá lâu, khi ăn những thứ ấy vào, họ chẳng thể tiếp nhận được, chẳng thể hấp thụ; [đó là] nga quý, địa ngục, súc sanh trong loài người! Do vậy, trong mỗi pháp giới lại có mười pháp giới, mười pháp giới [nhân với mười pháp giới trong mỗi một pháp giới] bèn thành một trăm pháp giới, tức “*bách giới*”. Nhưng trong mỗi một pháp giới lại có mười “*như thị*”, khái niệm này xuất phát từ kinh Pháp Hoa, từ “*như thị thể, như thị tánh, như thị tướng, như thị nhân duyên quả báo*” cho đến “*như thị bốn mặt cứu cánh*”. Một trăm nhân với mười thành một ngàn, con số này do đây mà có!

“*Tam thiên*” là do đâu là có? “*Danh tự nhất thiên*”: Chúng ta nói Phật, Bồ Tát, địa ngục, những danh tự, danh hiệu ấy gồm một ngàn thứ giả danh, Danh là giả danh. Cổ nhân Trung Quốc đã hiểu điều này: “*Danh khả danh, phi thường danh*”. Danh là giả danh, danh tự có đến một ngàn thứ. Đã có danh thì đương nhiên sẽ có sự thật! Danh tự có một ngàn thì cũng sẽ có một ngàn sự thật, hề có một danh tự sẽ có một thực thể. “*Thực thể có một ngàn*”, đây là chuyện thuộc về thực tại, có một ngàn sự thể. Lại nói “*quốc độ hữu nhất thiên*” (cõi nước có một ngàn), quốc độ là y báo, tức là hoàn cảnh, hoàn cảnh chuyên theo tâm. Vì thế, hoàn cảnh có một ngàn. Ở đây nói [gộp chung giả danh, thực thể và quốc độ] thành “*tam thiên*” (ba ngàn).

Trong ba ngàn này, “*sanh âm nhị thiên vi chánh*”. “*Sanh âm*” chính là giả danh và thật thể. Chẳng hạn như nói tới Phật thì “Phật” là danh từ, tức là có giả danh, nhưng thật sự có Phật như Thích Ca Mâu Ni, thật sự có vị Phật này, cho nên Ngài là thực thể. Chúng ta nói đến người, “người” là giả danh, nhưng quả thật có thực thể này tồn tại. Do vậy, gọi là Sanh Âm. Âm chính là Ngũ Âm, thân thể của chúng ta là Sắc, Thọ,

Tướng, Hành, Thức, do Ngũ Âm tụ tập, hòa hợp mà có thân tướng này. Do vậy, “*Sanh Âm nhị thiên*” là do đây mà có, đây là chánh báo.

“*Quốc độ nhất thiên*” là y báo. “*Quốc độ*” cũng từ giả danh mà kiến lập, Phật pháp giới, nhân pháp giới, thiên pháp giới, đó là y báo, cho đến ngạ quỷ pháp giới, địa ngục pháp giới, súc sanh pháp giới là nói về y báo.

Tam thiên thì như trong kinh Pháp Hoa nói “*tánh cụ tam thiên*” (tánh có đủ ba ngàn) và “*Sự tạo tam thiên*”. Chúng ta gọi “*tánh cụ*” là “*duy tâm sở hiện*”, hiện ra những cảnh giới này, cũng gọi “*Lý cụ*”, tức là nói theo mặt Lý thì nó đầy đủ, có trọn vẹn những công năng này. Đó là nhất niệm, nhất niệm là nói “*Lý cụ*”. Tùy niệm chính là “*Sự tạo*” (tạo tác nơi mặt Sự). Đối với Sự tạo này, mỗi cá nhân chúng ta trong một ngày có mười pháp giới. Quý vị thấy một niệm của quý vị là Nam-mô A Di Đà Phật thì là Phật pháp giới; trong một niệm mà niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì là Bồ Tát pháp giới, nếu chúng ta nghĩ tưởng, tham muốn thứ gì đó thì là ngạ quỷ pháp giới; hễ nổi nóng thì là địa ngục pháp giới; không hiểu rõ Sự - Lý, hồ đồ, mờ mịt thì là súc sanh pháp giới. Do vậy, quý vị khởi tâm động niệm là một pháp giới, đó gọi là gì? Là “*tùy niệm*”.

Tùy niệm là Sự tạo. Do chúng ta có đủ nhân và duyên trong mười pháp giới này, nên trong hiện thời, quý vị muốn đến một pháp giới nào, quý vị phải không chế cái duyên đó. [Nếu quý vị nghĩ]: “Nay tôi muốn thành Phật” thì quý vị phải nắm chắc Phật pháp giới, đừng để vượt mất. Niệm niệm tương ứng với Phật pháp giới, tương ứng lâu ngày, tự nhiên sẽ thành Phật. Do vậy, “niệm Phật thành Phật” là do đạo lý như vậy đó. Nó luôn có lý luận tồn tại. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Thấy Phật là thành Phật, chẳng thành Phật sẽ chẳng thể thấy Phật! Trao đổi với quý vị về tam thiên như vậy, vì sao có tam thiên, vì sao có chuyện này? Tông Thiên Thai nói đến “*tam thiên*” tức là nói về toàn bộ vũ trụ và nhân sinh.

Những điều này đều do nhất tâm hiện ra; do vậy, “*nhất tâm khởi phân Năng Sở*” (há có thể chia nhất tâm thành Năng và Sở); trong nhất tâm có thể chia thành Năng và Sở, nhưng Năng và Sở là một, Năng cũng là nhất tâm, mà Sở cũng là nhất tâm. Năng Biến là nhất tâm, Sở Biến vẫn là nhất tâm. Do điều này, Phật pháp chẳng phải là triết học! Quý vị có hiểu ý nghĩa này hay chẳng? Trong triết học, Năng chẳng phải là Sở, Sở chẳng phải là Năng, Năng và Sở đối lập! Phật pháp giảng về Năng và Sở

thì Năng và Sở chẳng đối lập, chúng là một, không hai. Năng Biến là tự tâm, Sở Biến vẫn là tự tâm. Đặc biệt là Duy Thức, trong kinh luận Duy Thức, kinh Hoa Nghiêm cũng là một trong sáu kinh của tông Duy Thức; tức là tông Duy Thức dựa trên sáu bộ kinh và mười một bộ luận, trong sáu bộ kinh ấy có kinh Hoa Nghiêm. Đầu thời Dân Quốc, đại sư Âu Dương Cánh Vô trong một bài giảng diễn tại đại học Trung Sơn đã nói rõ Phật pháp chẳng phải là tôn giáo hay triết học. Trong bài nói chuyện ấy, ông ta đã nói rất rõ ràng, vì sao Phật giáo chẳng phải là triết học? Triết học có Năng và Sở (chủ thể và khách thể) đối lập, trong Phật pháp không có đối lập, từ đầu đến cuối không có đối lập, đều là một chỉnh thể⁶. Chính mình nói tới chính mình, chính mình phân tích chính mình. Đó là Phật pháp. Do vậy, “nhất nhất giai thị” (mỗi mỗi đều là). Tiếp theo đó, sách Diễn Nghĩa giảng:

(Diễn) Khí khí duy kim, thị toàn vọng toàn chân nghĩa.

(演) 器器唯金，是全妄全真義。

(Diễn:) Món vật nào cũng chỉ là vàng, đấy chính là nghĩa lý “toàn chân tức là vọng, toàn vọng tức là chân”).

Câu này dễ hiểu.

(Diễn) Lưu lưu nhập hải, thị hội vọng quy chân nghĩa.

(演) 流流入海，是會妄歸真義。

(Diễn:) “Dòng nước nào cũng đổ vào biển” là nghĩa lý “gom vọng về chân”).

Bất luận là dòng nước lớn hay nhỏ đều đổ vào biển cả; hễ đổ vào biển cả rồi sẽ chẳng thể phân chia được nữa, quy về một Thể. Đó gọi là “hội vọng quy chân”, dùng ý nghĩa này. Tiếp đó, sách nói:

(Diễn) Vô bất tùng thủ pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thủ pháp giới giả, pháp giới vị Nhất Chân pháp giới.

⁶ “Chỉnh thể” (Entirety) là một khái niệm triết học đối lập với khái niệm “bộ phận”. Chỉnh thể thường được hiểu là một đối tượng có kết cấu thống nhất, tuân theo một hình thức hay quy luật cấu tạo nhất định. Hiểu theo nghĩa rộng, “chỉnh thể” là toàn thể.

(演) 無不從此法界流，無不還歸此法界者，法界謂一真法界。

(Diễn: Không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không gì chẳng trở về pháp giới này. Nói “pháp giới” nghĩa là Nhất Chân pháp giới).

“Pháp giới” này nói về Nhất Chân pháp giới, tức là bản thể. Do vậy, kinh Di Đà và kinh Hoa Nghiêm là một, không hai. Nhất Chân pháp giới được nói trong kinh Hoa Nghiêm là “sở chứng”, kinh Di Đà nói tới nhất tâm bất loạn, đó là “năng chứng”. Chúng ta tu đến nhất tâm bất loạn, Nhất Chân pháp giới bèn hiện tiền. Do vậy, nếu chúng ta nói đến “nhập” thì nhất tâm là năng nhập, Nhất Chân pháp giới là sở nhập, Năng - Sở bất nhị. “Năng - Sở bất nhị” nghĩa là nhất tâm và Nhất Chân pháp giới là một, không hai. Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật này, trong tương lai sẽ nhập vào đâu? Nhập Nhất Chân pháp giới! Kinh Di Đà gọi Nhất Chân pháp giới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang, còn kinh Hoa Nghiêm gọi là Nhất Chân pháp giới. Trong phần chú giải lại nói:

(Diễn) Tức Khởi Tín Tâm Chân Như môn.

(演) 即起信心真如門。

(Diễn: Tức là Tâm Chân Như môn trong luận Khởi Tín).

“Khởi Tín” tức là Đại Thừa Khởi Tín Luận do Mã Minh Bồ Tát trước tác. Trong quá khứ, chúng tôi cũng đã từng giảng luận ấy ở nơi đây. Trong các bản chú giải Đại Thừa Khởi Tín Luận, [có một] bản chú giải của người sống thời gần đây rất hay, thâm nhập mà diễn tả đơn giản rất tiện lợi cho người sơ học, tức là cuốn Đại Thừa Khởi Tín Luận Thuật Ký của pháp sư Từ Châu. Đây chính là bản giảng ký chép lời Ngài giảng, thâm nhập nhưng diễn tả đơn giản, chú giải hết sức hay, tiện lợi cho người sơ học. Trong Khởi Tín Luận, tâm được chia thành hai môn, môn thứ nhất là Chân Như môn.

(Diễn) Lưu hữu lưu xuất nghĩa, vị tòng bình đẳng pháp giới, nhất niệm bất giác, lưu xuất tam tế lục thô chủng chủng cảnh giới.

(演)流有流出義，謂從平等法界，一念不覺，流出三細六粗種種境界。

(Diễn: “Luu” có nghĩa là lưu xuất, ý nói: Từ pháp giới bình đẳng, do một niệm bất giác mà lưu xuất tam tế, lục thô, và các thứ cảnh giới).

Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà có? Trong Khởi Tín Luận có nói rõ. Thật ra, trong kinh Hoa Nghiêm cũng có, mà kinh Lăng Nghiêm cũng có, kinh Viên Giác cũng có; có thể tham khảo lẫn nhau thì mới có thể hiểu rõ chuyện đang được rất nhiều nhà triết học và khoa học thăm dò, tức là căn nguyên của vũ trụ và nhân loại từ lúc tối sơ diễn biến như thế nào, [nhưng những giải thích và giả thiết của họ] đều chẳng thể viên dung như trong kinh Phật đã giảng. Rất đáng tiếc là những nhà triết học và khoa học ngoại quốc chưa đọc kinh Phật, nhưng hiện thời đọc kinh Phật mà không đọc bằng tiếng Hán sẽ không thể được, vì kinh điển bằng tiếng Phạn gần như đã bị chôn vùi mất sạch. Dẫu có một ít phần được truyền lại, nhưng tàn khuyết, chẳng hoàn chỉnh, tìm chẳng được một bản hoàn chỉnh! Do vậy, hiện thời, trên thế giới muốn học Phật, chỉ có thể thật sự công phu vào bản dịch được lưu lại bằng tiếng Hán.

Nhưng những người ngoại quốc không hiểu tiếng Hán, họ cũng không có cách nào đọc được. Những người ấy thật sự rất thông minh, nếu họ thật sự được nghe Phật pháp, tôi tin tưởng năng lực ngộ giải của họ phải mạnh và cao hơn những người thông thường. Trong Phật pháp nói họ có thiện căn và phước đức, nhưng không có nhân duyên. Không có duyên phận này, không thấy được Phật pháp. Vì thế, kho báu phong phú dường ấy mà họ không có cách nào thụ dụng, hết sức đáng tiếc! Kinh Phật giảng những chuyện này hết sức viên mãn.

“Bình đẳng pháp giới” là tâm thanh tịnh; từ tâm thanh tịnh “nhất niệm bất giác” [dấy lên], đây là vô minh. Trong Khởi Tín Luận nói “nhất niệm bất giác”, nhất niệm là chánh niệm, bất giác là mê mất một niệm ấy, câu này được giải thích như vậy. Quý vị mê nơi một niệm, nói cách khác, quý vị khởi ý niệm nơi cảnh giới. Khi chẳng khởi niệm thì là “nhất niệm”. Khi khởi lên một niệm thì chữ “nhất” trong cái niệm được khởi ấy chẳng phải là con số, thật ra, vì chẳng thể diễn tả được, nên bắt đầu dĩ phải dùng chữ “nhất” để tượng trưng. Trên thực tế, nhất niệm là vô niệm, khi chẳng nảy sanh một ý niệm nào thì gọi là “nhất niệm”. Hễ khởi lên một ý niệm sẽ chẳng phải là “nhất niệm”. Do vậy, nhất niệm là

Bôn Giác, mê mất Bôn Giác thì gọi là “bất giác”. Do mê mất nhất niệm sẽ biến thành bất giác. Do từ cái bất giác ấy, từ trong một niệm mê, bèn có [vạn pháp, vạn niệm]. Trong một niệm, quyết định chẳng có mê; khi khởi tâm động niệm bèn là mê.

Cái khởi tâm động niệm ấy, hễ một thứ mê, hết thầy đều mê. Vì thế, biến hiện ra “tam tế, lục thô, chủng chủng cảnh giới”. Cảnh giới ấy nói theo lý luận thì có trình tự, tức là có thứ tự, nhưng nói theo mặt sự tướng, nhất định chẳng thể thấy được. Ví như nói: Chúng ta dùng gương để soi cảnh giới bên ngoài thì nói theo lý luận, những vật thể ở gần đương nhiên sẽ được soi trước rồi mới chiếu những vật ở xa. Thế nhưng quý vị vừa chiếu, ngay trong một sát-na, thứ gì cũng đều cùng hiện ra. Cái chân tâm hiện tướng của chúng ta cũng giống như vậy, giống như tấm gương, “tam tế, lục thô” hiện ra cùng một lúc trong khoảng một sát-na. Trên lý luận là có thứ tự, nhưng trên sự tướng, tìm chẳng ra [thứ tự ấy]! Tốc độ của nó quá nhanh, không có cách nào có thể quan sát nó có thứ tự trước sau. Vì vậy, khởi nguyên của vũ trụ và nhân sinh đồng thời hoàn thành trong một sát-na, quyết định chẳng có trước hay sau. Đây là chân tướng, chân tướng sự thật, đạo lý trong ấy rất sâu xa. Nếu quý vị nghiên cứu, cũng sẽ thấy hết sức thú vị.

“Tam tế” là ba tế tướng (tướng nhỏ nhiệm) của A Lại Da Thức: Vô Minh Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng và Cảnh Giới Tướng. Chuyển Tướng còn gọi là Kiến Phần, Cảnh Giới Tướng còn gọi là Tướng Phần, Vô Minh Nghiệp Tướng còn gọi là Tự Chứng Phần. Nếu nói theo ba phần thì là Kiến Phần, Tướng Phần, Tự Chứng Phần; [còn nếu nói] bốn phần [thì là ngoài ba phần trên đây] thêm vào một thứ nữa là Chứng Tự Chứng Phần. Chứng Tự Chứng Phần và Tự Chứng Phần là một, không hai.

Những thứ này là ba tế tướng của A Lại Da Thức. Từ ba tế tướng lại triển khai thành “lục thô tướng” (sáu tướng thô). Sáu tướng thô này hình thành y báo và chánh báo trang nghiêm thế gian và xuất thế gian, nay chúng ta gọi là “sâm la vạn tượng” trong nhân sinh và vũ trụ. Đây là nói về nguyên khởi của vũ trụ, mà cũng là nói đến cội nguồn của mê và ngộ.

Những điều này nhằm giải thích câu thứ nhất: “Vô bất tùng thủ pháp giới lưu” (không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất), đều do Nhất Chân pháp giới biến hiện ra. Nhất Chân pháp giới là nhất tâm, đều từ nhất tâm hiện ra. “Vô bất hoàn quy thủ pháp giới giả” (không gì chẳng trở về pháp giới này) nghĩa là...

(Diễn) *Hoàn hữu hoàn chuyển nghĩa, vị nhược ly tâm niệm, tắc vô nhất thiết cảnh giới chi tướng.*

(演) 還有還轉義，謂若離心念，則無一切境界之相。

(Diễn): “Hoàn” có nghĩa là hoàn chuyển (xoay trở về), ý nói: Nếu lìa tâm niệm, sẽ không có tướng của hết thấy các cảnh giới).

“Tâm niệm” là gì? Chính là phân biệt, chấp trước. Nếu quý vị lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, trong hết thấy cảnh giới chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, tướng cảnh giới ấy sẽ không có. Do vậy, Vĩnh Gia đại sư nói: “Giác hậu không không vô đại thiên” (Giác rồi ba cõi rộng toang hoang). Vậy thì nếu chúng ta hỏi: Khi ta chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước nơi cảnh giới thì có phải là cảnh giới bên ngoài sẽ đều không có hay chẳng? Không phải vậy! Cảnh giới bên ngoài vẫn còn, vậy thì “vô đại thiên” là không có thứ gì vậy? Trong tâm quý vị không có phân biệt đại thiên, chấp trước đại thiên, không có khởi tâm động niệm nơi đại thiên, không có những điều đó, chứ không phải là nói đại thiên thế giới không còn nữa. Đại thiên thế giới vẫn tồn tại! Nói cách khác, thật sự không có hết thấy phiền não sanh tử trong đại thiên thế giới, không có hết thấy mê hoặc, nghiệp chướng, không có những thứ ấy! “Giác hậu không không vô đại thiên” (giác rồi ba cõi rộng toang hoang): Trong đại thiên thế giới, thân tâm quý vị thanh tịnh. Khi ấy sẽ đại tự tại, giống như trong Tâm Kinh đã nói “*Quán Tự Tại*”, đại tự tại trong đại thiên thế giới. Đây là nói “*nhược ly tâm niệm, tắc vô nhất thiết cảnh giới chi tướng*” (nếu lìa tâm niệm, ắt chẳng có tướng của hết thấy các cảnh giới).

(Diễn) *Nhi nhất thiết cảnh giới toàn thị diệu minh.*

(演) 而一切境界全是妙明。

(Diễn): *Nhưng hết thấy cảnh giới hoàn toàn là diệu minh).*

Toàn là những vật được hiện bởi diệu minh chân tâm. Đã là vật được hiện bởi diệu minh chân tâm thì thứ gì cũng đều là diệu minh chân tâm. Từ mộng cảnh, chúng ta có thể thấu hiểu điều này. Trong khi chúng ta nằm mộng, tối nay quý vị nằm mộng, khi tỉnh giấc, đừng chồm dậy ngay, hãy suy nghĩ cặn kẽ: Ta vừa mới nằm mộng, toàn bộ mộng chính

là tâm, mỗi một cảnh giới trong mộng đều là tâm ta, đều là tự tâm. Mộng do tự tâm biến hiện.

Do vậy, có điều gì trong mộng chẳng phải là tự tâm? Thứ nào cũng đều là tự tâm, không có một thứ nào chẳng phải. Vì vậy, sau khi giác ngộ, quý vị mới hiểu tận hư không trọn pháp giới hoàn toàn là tướng của tự tâm, lia ngoài tâm không có một vật, đúng như tử dụ trong phần trước: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Không có một vật nào chẳng phải là vàng, đó gọi là “minh tâm kiến tánh”.

Tâm đã sáng suốt bèn thấy bất luận thứ gì bên ngoài cũng đều là tự tánh, bản thể là tự tánh. Tướng tuy hiện thiên sai vạn biệt, nhưng Tánh là một. Do vậy, nơi hữu tình chúng sanh [Tánh ấy được] gọi là Phật Tánh, nơi vô tình chúng sanh gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một Tánh. Một Tánh, chứ không hai Tánh. Đoạn này nhằm nói lên ý nghĩa này.

Hôm nay đã hết thời gian, chúng tôi giảng đến đây. Đoạn này không dài, lần trước đã nói đại lược, hôm nay chúng tôi dùng thời gian một tiếng rưỡi để nói cặn kẽ với quý vị. Đây cũng là nói rõ căn cứ lý luận của Tịnh Độ cùng với kinh Hoa Nghiêm là một, không hai.